

UNIT 3: A TRIP TO THE COUNTRYSIDE

New words (Listen and read):

1. bamboo forest (n): rừng tre
2. banyan tree (n): cây đa
3. chance (n): cơ hội
4. cross (v): băng qua
5. enjoy (v): thích, thưởng thức
→ enjoyable (adj): thú vị, thích thú
→ enjoyably (adv): thú vị
→ enjoyment (n): sự thích thú
6. go boating : đi thuyền
7. have a picnic : bữa ăn ngoài trời
8. have a snack : ăn nhẹ
9. hero (n): anh hùng
→ heroine (n): nữ anh hùng
10. journey (n): chuyến đi
11. lie – lay - lain (v): nằm, ở vị trí
12. paddy field (n): cánh đồng lúa
13. rest (n,v): sự nghỉ ngơi / nghỉ ngơi
→ have a rest : nghỉ ngơi
14. shrine (n): đền thờ
15. village (n): ngôi làng

*** Grammar:**

1. The past simple with wish (Thì Quá khứ đơn với động từ *wish*)

a) Mơ ước không có thật ở hiện tại

S1 + wish(es) + S2 + **V2/ed**

be → were

Ex: I wish I had a computer.

He wishes he were taller.

b) Mơ ước ở tương lai

S1 + wish(es) + S2 + **would** + **V1**

Ex: He wishes he would become a doctor when he grows up.

c) Mơ ước chỉ khả năng

S1 + wish(es) + S2 + **could** + **V1**

Ex: I wish I could speak English well.

2. Prepositions of time (Giới từ chỉ thời gian)

a) **AT** (lúc; vào lúc): dùng trước giờ, lễ hội và các từ như *moment, time, age...*

Ex: - at 6 o'clock, at 8.30

- at Christmas, at Easter

- at noon, at night, at midnight, at lunch time, at the weekend / at weekends, at the moment, at the same time, at the age of

- at work

b) **ON** (vào ngày): dùng trước thứ trong tuần, ngày tháng, ngày tháng năm, ngày lễ (theo sau là *Day, Eve*), dùng với *occasion, holiday ...*

Ex: - on Wednesday, on September 24th, on September 24th 2020, on Tuesday morning

- on Easter Day, on Christmas Day

- on my birthday, on the occasion, on holiday, on time, on the weekend / on (the) weekends

c) **IN** (trong; vào): dùng trước thế kỷ, tháng, năm, mùa và các buổi trong ngày (ngoại trừ *at night*)

Ex: - in the 18th century, in the 1990s

- in September, in 2020, in September 2020

- in (the) summer, in (the) winter

- in the morning, in the afternoon, in the evening

d) **FOR** (trong khoảng thời gian)

Ex: for a week (*khoảng 1 tuần*), for a long time, for ages (*trong 1 khoảng thời gian dài*),...

e) **SINCE** (từ, từ khi)

Ex: since Tuesday, since yesterday, since Christmas

f) **TILL / UNTIL** (đến, cho đến khi)

Ex: I will wait for you till 9 p.m.

g) **BEFORE** (trước, trước khi)

Ex: We often do morning exercises before going to school.

h) **AFTER** (sau, sau khi)

Ex: They will go on a vacation after the final examination.

i) **UP TO** (đến, cho đến → nhấn mạnh)

Ex: We haven't seen her up to now.

j) **BETWEEN** (giữa 2 mốc thời gian / ngày / tháng / ...)

Ex: My brother always does his homework between 7 p.m and 9 p.m.

Lưu ý:

- Không dùng **in, on, at** trước *every, last, next, this, tomorrow, yesterday*.

EXERCISES

I. Multiple choice.

1. We have known each other _____ we were in a university.
A. since B. for C. while D. when
2. My village is about 200 kilometers _____ the south of Ho Chi Minh City.
A. at B. to C. from D. in
3. I haven't seen Lan _____ Christmas.
A. ever B. never C. for D. since
4. Her birthday is _____ August 9th.
A. in B. on C. for D. at
5. I wish I _____ on the sunny beach now.
A. am B. would be C. be D. were
6. Our father often works _____ night.
A. on B. at C. in D. for
7. Mr. Thanh leaves Ha Noi _____ 2 pm.
A. in B. on C. at D. between
8. We usually go to our home village _____ the summer.
A. at B. on C. in D. between
9. I wish I _____ a chance to visit Da Lat city.
A. had B. have C. has D. has had
10. On Friday morning, there is a meeting _____ 8am and 10 am.
A. between B. on C. at D. up to

II. Fill in the blank with appropriate prepositions.

1. There are a lot of parties _____ New Year's Eve.
2. There is a shrine _____ the top _____ the mountain.
3. They see each other _____ lunch time.
4. She was born _____ August 1st.
5. They arrive _____ Noi Bai in the afternoon.
6. I know Britt. I first met her _____ Christmas _____ 2007.
7. They will go _____ a picnic next weekend.
8. Remember the meeting will be held _____ 8 a.m. and 10 a.m. _____ Saturday.

III. Transformations.

1. I live in the country. It is so boring there.

-> I wish _____.

2. He can't speak English well.

-> I wish _____.

3. I can't go to Nha Trang beach this weekend.

-> I wish _____.

4. She doesn't want to take part in the game.

-> I wish _____.

5. I'm very busy on Mondays.

-> I wish _____.

6. Life is so complicated.

-> I wish _____.

7. The air in the city is very dirty.

-> I wish _____.

8. She can't dance beautifully.

-> I wish _____.

9. We don't have a new house.

-> We wish _____.

10. He is sorry that he can't see Audrey on her trip to London.

-> He wishes _____.

KEY:

I. Multiple choice.

1. A. since

2. B. to

3. D. since

4. B. on

5. D. were

6. B. at

7. C. at

8. C. in

9. A. had

10. A. between

II. Fill in the blank with appropriate prepositions.

1. on

2. at , of

3. at

4. on

5. at

6. at, in

7. on

8. between, on

III. Transformations.

1. I wish I didn't live in the country. / I wish I lived in a big city.

2. I wish he could speak English well.

3. I wish I could go to Nha Trang beach this weekend.

4. I wish she took part in the game.
5. I wish I weren't very busy on Mondays.
6. I wish life weren't so complicated.
7. I wish the air in the city weren't dirty. / I wish the air in the city were clean.
8. I wish she could dance beautifully.
9. We wish we had a new house.
10. He wishes he could see Audrey on her trip to London.

THE END